

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS - PT

Ngày: 24 - 02 - 2023

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **02/2023/QĐ-PT ngày 08/02/2023, giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. NCQLNVLQ1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 18, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo ủy quyền của ông Thoảng: Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3.2. NCQLNVLQ2, sinh năm 1960, có đơn xin vắng mặt.

3.3. NCQLNVLQ3, sinh năm 1966, có đơn xin vắng mặt.

3.4. NCQLNVLQ4, sinh năm 1975, có đơn xin vắng mặt.

3.5. NCQLNVLQ5, sinh năm 1981, vắng mặt.

3.6. NCQLNVLQ6, sinh năm 1984, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.7. NCQLNVLQ7, sinh năm 1987. Địa chỉ: Làng C, huyện T, thành phố Hà

Nội, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.8. NCQLNVLQ8, sinh năm 1988, có mặt.

3.9. NCQLNVLQ9, sinh năm 2003, vắng mặt.

3.10. NCQLNVLQ10, sinh ngày 28/8/2010. Người đại diện hợp pháp của cháu Hằng: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984. Là mẹ đẻ, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền của chị Hồng, anh Vĩnh và chị Thùy: NCQLNVLQ6, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3.11. NCQLNVLQ11, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, đề nghị vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Đoàn Văn V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5 và Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Đoàn Văn T, sinh năm 1930, chết năm 1995 và cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1932, chết ngày 29/12/2020, sinh được 08 người con gồm: NCQLNVLQ1; ông Đoàn Văn S (ông S chết ngày 26/3/2011), ông S có vợ là bà Nguyễn Thị H (đã chết) và 03 con là anh Đoàn Văn T (anh T chết ngày 27/3/2020). Anh T có vợ là Chị Phạm Thị T và 02 con là cháu NCQLNVLQ9, sinh năm 2003 và NCQLNVLQ10, sinh ngày 28/8/2010. Anh T không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, con riêng; NCQLNVLQ5; NCQLNVLQ6. Ông S không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng; ông Đoàn Văn V (ông V chết ngày 20/4/2010) ông V có vợ là NCQLNVLQ11 và 02 con là NCQLNVLQ7, NCQLNVLQ8. Ông V không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng; NCQLNVLQ2; NCQLNVLQ3; Ông Đoàn Văn V; Ông Đoàn Văn N và NCQLNVLQ4. Các cụ không có con riêng, con nuôi.

Quá trình chung sống, cụ T và cụ M có khối tài sản chung là diện tích đất 130m², thửa đất số 17, tờ bản đồ PL5 tại xóm 5, Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Nguồn gốc đất là do cha ông để lại. Năm 1969, các cụ đã xây một nhà cấp 4 cùng công trình phụ diện tích khoảng 50m², tường, bêtông, sân. Năm 1995 cụ Thịnh chết không để lại di chúc, đất, nhà do cụ M quản lý sử dụng, đến ngày 24/11/2003, được UBND huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị M. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, không ai có ý kiến, khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông Năm là người đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không bị cầm cố, thế chấp gì. Năm 2020, cụ Mồi chết không để lại di chúc. Sau khi các cụ chết, nhà đất để không, không ai ở và sử dụng và không ai phải nộp thuế nhà đất.

Năm 1993, cụ T, cụ M được địa phương giao chia 3.240.0m² đất nông nghiệp. Năm 2013 thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc dồn ô thửa nhỏ

thành ô thửa lớn thì hộ cụ Mồi được giao chia 3.240.0m² đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Hiện ông Năm đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp này và nộp nghĩa vụ về sản phẩm. Ngoài ra bố mẹ ông không còn di sản thừa kế nào khác.

Về nghĩa vụ tài sản của người chết để lại: Các cụ không để lại nghĩa vụ gì về tài sản, không nợ nần gì ai và cũng không ai nợ các cụ.

Về công chăm sóc, chi phí ma chay, cải cát và công sức đóng góp, tôn tạo nền đất, tài sản trên đất, công sức duy trì phát triển tài sản: Các bên đương sự thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay Ông Đoàn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là diện tích đất 130m², thửa đất số 17, tờ bản đồ PL5 tại xóm 5, Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Khi chia thừa kế ông xin được nhận bằng hiện vật vì gia đình ông chưa có nhà đất để ở và thanh toán tiền cho các đồng thừa kế. Đối với 3.240.0m² đất nông nghiệp; nhà cấp 4, công trình phụ, tường, bể, sân đã xuống cấp nên ông không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông nhất trí và không khiếu nại gì. Ông xin chịu toàn bộ các chi phí tố tụng và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn Ông Đoàn Văn V trình bày: Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, tài sản trên đất, thuê nhà đất, công sức đóng góp, chi phí ma chay, thuốc men, ăn uống, chăm sóc người để lại di sản thừa kế và diện tích đất nông nghiệp như ông Năm đã trình bày. Đối với diện tích đất nông nghiệp, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay ông Năm khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại, ông không nhất trí vì diện tích đất này do cha ông để lại để làm nơi thờ cúng tổ tiên, nơi các con cháu đi về tụ hợp.

NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2, NCQLNVLQ3 và NCQLNVLQ4 cùng trình bày: Các ông, bà đều nhất trí với ý kiến của ông Năm, ông Vang về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, tài sản trên đất, thuê nhà đất, công sức đóng góp, chi phí ma chay, cải cát, chi phí thuốc men, ăn uống, chăm sóc người để lại di sản thừa kế. Ông Năm khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông bà là thửa đất thửa đất số 17, tờ bản đồ PL5, diện tích đất 130m² tại Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Các ông bà cùng đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố, mẹ theo quy định của pháp luật. Phần di sản thừa kế của các ông bà được hưởng từ bố mẹ thì các ông bà đều xin được nhận bằng hiện vật là diện tích đất và tặng cho Ông Đoàn Văn N vì hiện tại anh chị em trong gia đình đều có nhà đất ở, riêng ông Năm chưa có nhà đất để ở. Đối với phần diện tích đất nông nghiệp, các ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ5, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ7, NCQLNVLQ9 và Chị Phạm Thị T cùng trình bày: Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, thuê nhà đất, công sức đóng góp, chi phí ma chay, cải cát, thuốc men, ăn uống, công chăm sóc người để lại di sản thừa kế đúng như nguyên, bị đơn và NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2, NCQLNVLQ3 và NCQLNVLQ4 trình

bày. Nay ông Năm khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Thịnh, cụ Mồi là thửa đất thửa đất số 17, tờ bản đồ PL5, diện tích đất 130m² tại Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Các anh chị không nhất trí việc ông Năm khởi kiện và cùng đề nghị giữ nguyên nhà đất vì nhà đất do cha ông để lại làm nơi thờ cúng tổ tiên. Đối với diện tích đất nông nghiệp, các anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật, các anh chị xin nhận bằng hiện vật là 1 phần diện tích đất. Riêng đối với phần được hưởng của chị Ngoan, chị Ngoan tặng cho anh Long là em trai của chị. Do công việc bận chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

NCQLNVLQ11 trình bày: Bà là vợ của ông Đoàn Văn Vui, bà và ông Vui có hai người con là NCQLNVLQ7 và NCQLNVLQ8. Do bà là con dâu nên bà không liên quan gì đến đất cát của các cụ để lại nên bà không có ý kiến hay đề nghị gì. Bà từ chối ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị Tòa án không báo gọi bà, bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết xét xử vụ án và tại phiên tòa. Ngoài ra bà không còn ý kiến, đề nghị gì khác.

Bản án số 05/2022/DS-ST ngày 16/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 213, Điều 219, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự. Điều 100, Điều 103 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đoàn Văn N về chia thừa kế tài sản.

- Giao diện tích đất 130m², thửa đất 17, tờ bản đồ PL5 tại xóm 5 nay là Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 912558 ngày 24/11/2003, tên hộ bà Nguyễn Thị Mồi cho Ông Đoàn Văn N được quản lý, sử dụng. Trên đất có một nhà cấp 4, công trình phụ, bể nước, tường, cổng sắt, sân trãi xi măng đã hết khấu hao sử dụng. Ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2, NCQLNVLQ3, Ông Đoàn Văn V, NCQLNVLQ4 mỗi người 120.024.000đồng; thanh toán cho NCQLNVLQ5, NCQLNVLQ6 mỗi người 35.784.000đồng; thanh toán cho cháu NCQLNVLQ9 và NCQLNVLQ10 (Người đại diện cho cháu Hằng, Chị Phạm Thị T) mỗi cháu 17.928.000đồng; thanh toán cho NCQLNVLQ11 13.032.000đồng; thanh toán cho NCQLNVLQ7, NCQLNVLQ8 mỗi người 47.160.000đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ3, NCQLNVLQ2 và NCQLNVLQ4 tặng cho Ông Đoàn Văn N kỹ phần thừa kế được hưởng.

Ghi nhận sự tự nguyện của NCQLNVLQ7 tặng cho NCQLNVLQ8 ký phần thừa kế được hưởng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/12/2022 bị đơn Ông Đoàn Văn V, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5 và Phạm Thị T có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại bản án sơ thẩm, không nhất trí việc chia đất của các cụ để lại mà giữ lại làm nơi thờ cúng.

Tại phiên tòa, những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Đoàn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5, Chị Phạm Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Về án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Đoàn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5, Phạm Thị T trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Ông Đoàn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5, Phạm Thị T không nhất trí với bản án sơ thẩm về việc chia đất cho các kỹ phần thừa kế mà để lại làm nơi thờ cúng cho con cháu có chỗ đi về, thấy: Di sản thừa kế cụ Thịnh, cụ Mòi để lại các đương sự đề nghị chia thừa kế là diện tích đất 130m², thửa đất số 17, tờ bản đồ PL5 tại xóm 5, Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, tên hộ bà Nguyễn Thị Mòi. Nguyên đơn Ông Đoàn Văn N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2, Đoàn Thị Xuân, Đoàn Thị Vẻ cũng có quan điểm như nguyên đơn, xin nhận thừa kế là hiện vật bằng đất và tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế của mình cho ông Năm. Bị đơn Ông Đoàn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5, Phạm Thị T không nhất trí với việc chia đất cho các kỹ phần thừa kế mà để lại

làm nơi thờ cúng cho con cháu có chỗ đi về. Xét thấy yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn được cấp sơ thẩm chấp nhận. Quá trình giải quyết xét xử, căn cứ hiện trạng của thửa đất và quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; chia tách, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam thì diện tích đất của cụ Thịnh, cụ Mồi để lại không đủ hạn mức chia bằng hiện vật cho từng kỳ phần thừa kế được hưởng. Các kỳ phần thừa kế gồm ông Thoảng, bà Lạng, bà Vẻ, bà Xuân, ông Năm đề nghị chia di sản theo pháp luật, xin nhận phần thừa kế được hưởng bằng hiện vật và tặng cho ông Năm nên phần của ông Năm được hưởng là 05 kỳ phần với tổng diện tích là 81,25m². Mặt khác xét thấy ông Năm hiện tại chưa có nhà đất ở nên xin được hưởng di sản bằng hiện vật và thanh toán kỳ phần cho các đồng thừa kế. Để bảo đảm giá trị của mảnh đất, nguyện vọng của các kỳ phần thừa kế, quyền lợi cho đương sự, xét yêu cầu của ông Năm là có căn cứ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Năm để giao cho ông Năm được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 130m² đất ở thửa đất số 17, tờ bản đồ PL5 tại xóm 5, Thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, trên đất có 01 cấp 4, công trình, bể, tường rào, sân đã hết khấu hao. Ông Năm phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho các kỳ phần thừa kế khác là phù hợp thực tế và pháp luật. Do vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vang và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Long, anh Mạnh, chị Hồng, chị Thùy không có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với Chị Phạm Thị T là người đại diện theo pháp luật của NCQLNVLQ10, do cháu Hằng thuộc trường hợp được miễn án phí nên chị Thùy không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Đoàn Văn V và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5, Chị Phạm Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm 05/2022/DS-ST ngày 16/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 213, Điều 219, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự. Điều 100, Điều 103 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đoàn Văn N về chia thừa kế tài sản.

- Giao diện tích đất 130m², thửa đất 17, tờ bản đồ PL5 tại xóm 5 nay là thôn An Đông, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 912558 ngày 24/11/2003, tên hộ bà Nguyễn Thị Mỏi cho Ông Đoàn Văn N được quản lý, sử dụng. Trên đất có một nhà cấp 4, công trình phụ, bể nước, tường, cổng sắt, sân trãi xi măng đã hết khấu hao sử dụng. Ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2, NCQLNVLQ3, Ông Đoàn Văn V, NCQLNVLQ4 mỗi người 120.024.000đồng; thanh toán cho NCQLNVLQ5, NCQLNVLQ6 mỗi người 35.784.000đồng; thanh toán cho cháu NCQLNVLQ9 và NCQLNVLQ10 (Người đại diện cho cháu Hằng Chị Phạm Thị T) mỗi cháu 17.928.000đồng; thanh toán cho NCQLNVLQ11 13.032.000đồng; thanh toán cho NCQLNVLQ7, NCQLNVLQ8 mỗi người 47.160.000đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của của NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ3, NCQLNVLQ2 và NCQLNVLQ4 tặng cho Ông Đoàn Văn N kỹ phần thừa kế được hưởng.

Ghi nhận sự tự nguyện của NCQLNVLQ7 tặng cho NCQLNVLQ8 kỹ phần thừa kế được hưởng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn N, Ông Đoàn Văn V, NCQLNVLQ3, NCQLNVLQ4 mỗi người phải chịu 6.001.000đồng. Ông Năm được đối trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng ông Năm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000130 ngày 20/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Ông Năm còn phải nộp tiếp 5.801.000đồng. NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ5 mỗi người phải chịu 1.789.000đồng. NCQLNVLQ9 phải chịu 896.000đồng. NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ7 mỗi người phải chịu 2.358.000đồng. Miễn án phí cho NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2 và NCQLNVLQ10.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn V, NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ5 mỗi người phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền dự phí ông Vang đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000243 ngày 22/12/2022, anh Mạnh đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000244 ngày 22/12/2022, anh Long đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000245 ngày 22/12/2022, chị Hồng đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000246 ngày 22/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San